

Bản án số: 30/2019/HS-ST
Ngày: 15 - 10 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Phong.

Ông Huỳnh Ngọc Trước.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09, 15 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2019/TLST-HS, ngày 11 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Chánh T, sinh ngày 19/5/1980 tại Đồng Tháp. Nơi đăng ký thường trú: Số x, ấp A, xã A1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Nơi sinh sống: Khóm T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh V và bà Nhan Thị Nữ A; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ ngày 20/10/2018, tạm giam ngày 29/10/2018, hiện bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lê Phi T, Luật sư của Văn phòng luật sư C thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp bào chữa cho bị cáo Nguyễn Chánh T; có mặt.

- Bị hại: Cao Thanh N, sinh năm 1964; nơi cư trú: Số x, Khóm x, Phường x, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Phan Phi N, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Số x, ấp H, xã L, huyện L1, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền của bị hại Cao Thanh N (văn bản ủy quyền ngày 22/10/2018); có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Phạm Văn L, sinh năm 1969; nơi cư trú: Số x, Khóm x, Phường x, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

2. Huỳnh Thị Bích T, sinh năm 1985; nơi cư trú: Số x, Khóm x, Phường x, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

3. Lê Thị H, sinh năm 1962; nơi cư trú: Số x, ấp V, xã V1, huyện L2, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

1. *Người làm chứng:*

1.1. Anh Lưu Trường T, sinh năm 1985; nơi cư trú: Số x, ấp V, xã V1, huyện L2, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

1.2. Nguyễn Thành P, sinh năm 1990; nơi cư trú: Ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

2. *Người giám định:*

2.1. Ông Trần Văn N; nơi cư trú: Số x, đường P, Phường x, thành phố C1, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

2.2. Ông Trần Phước Đ; nơi cư trú: Số x, đường N, Phường x, thành phố C1, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

2.3. Ông Huỳnh Văn B; nơi cư trú: Số x, H, Khóm x, Phường x, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

- *Người định giá tài sản:*

1. Bà Phạm Hoàng Nhật L; nơi công tác: Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố S, tỉnh Đồng Tháp; có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

2. Ông Lê Văn H; nơi công tác: Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố S, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Chánh T làm thuê tại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thanh N do ông Cao Thanh N là chủ sở hữu Công ty từ năm 2009 đến khoảng tháng 9/2018 xin nghỉ việc. Trong thời gian làm việc tại công ty, bị cáo T được giao nhiệm vụ làm tài xế và quản lý trông coi các xe ô tô để ở kho chứa đồ cổ thuộc tài sản cá nhân của ông N, tại số x, đường N, Khóm x, Phường x, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. T được giao giữ chìa khóa cửa trước, chìa khóa cửa sau do ông Nguyễn Thái H (đã chết) là người làm thuê ngủ giữ kho đồ cổ, khi ông H xin nghỉ việc đã giao chìa khóa cho T cất giữ. Khoảng tháng 9/2018, T xin nghỉ việc tại Công ty Thanh N nhưng không giao lại các chìa khóa cửa kho.

Đối với Phan Phi N là người được ông N giao nhiệm vụ quản lý tài sản trong kho đồ cổ, trong quá trình quản lý tài sản, anh N nhận thấy tài sản trong kho có dấu hiệu bị mất trộm nên báo ông N biết cho người theo dõi. Đến ngày 20/10/2018, anh N phát hiện anh Phạm Văn L, sinh năm 1969; nơi cư trú: x Khóm x, Phường x, thành phố S chở đồ cổ của ông N về hướng huyện L2, tỉnh Đồng Tháp nên trình báo Công an xã V1, huyện L2 bắt quả tang, thu giữ 01 cái bàn hình lục giác, 04 cái ghế bằng gỗ, 04 tấm

tranh. Vụ việc được chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố S điều tra làm rõ.

Qua điều tra, bị cáo T thừa nhận vào khoảng 04 giờ 30 phút ngày 20/10/2018, T mang theo 02 chìa khóa cửa kho của ông N, một mình từ nhà trọ thuộc khóm T, phường A, thành phố S, điều khiển xe mô tô biển số xxxx (do Huỳnh Thị Bích T vợ của bị cáo T đứng tên sở hữu) đến kho quan sát thấy cửa trước đã khóa, T đến cửa sau mở ổ khóa cửa đột nhập vào trong. Tại thời điểm này trong kho có gắn 05 đầu camera, bên trong không mở đèn, T rút chui điện tắt camera và kéo CB tổng cúp điện toàn bộ khu vực trong kho để tránh bị ghi hình. T lấy chiếc bàn lục giác, kích thước đường kính 0,9 mét, cao 0,77 mét, chất liệu gỗ đỏ, mặt đá cẩm thạch màu trắng, hoa văn chân quỳ, song chân hình con tiện, gỗ cẩn ốc xà cừ đang để bên trái trong kho, cách chiếc xe tải biển số 51C-115.88 khoảng 37 mét. Do chân bàn và mặt bàn rời nhau, T dùng 02 tay khiêng mặt bàn đi cửa sau mang ra nền gạch phía trước kho, sau đó vào trong kho lần lượt khiêng chân bàn lục giác; 04 tấm tranh có kích thước giống nhau ngang 0,37 mét, cao 1,07 mét, chất liệu gỗ gỗ đỏ, hoa văn diềm chạm thủng, cẩn ốc xà cừ, đề tài Mai, Lựu, Cúc, Trúc (mỗi tấm tranh một đề tài) đang để trong phòng kính trong kho và 04 chiếc ghế của bộ bàn lục giác cạnh cửa sau trong kho mang ra phía trước, rồi khóa cửa sau lại. T dùng điện thoại Nokia sim số xxxxxx gọi cho ông Phạm Văn L (sim số xxxxxx) hành nghề chạy xe ba gác biển số xxxx, thuê ông L chở số tài sản trộm được đến cửa hàng T thuộc số x, ấp V, xã V1, huyện L2, tỉnh Đồng Tháp bán cho bà Lê Thị H, là người quản lý cửa hàng T. T điều khiển xe mô tô về nhà trọ, gọi điện thoại cho bà H (sim số xxxxxx) biết ông L chở bộ bàn lục giác và 04 tấm tranh đến bán.

Ngoài ra, T còn khai nhận trước đó trong thời gian làm việc tại Công ty Thanh N, T đã trộm cắp tài sản của ông N 02 lần và sau khi nghỉ việc T tiếp tục trộm cắp tài sản của ông N 01 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Vào khoảng 04 giờ 30 phút, không nhớ rõ ngày trong tháng 7/2018, bị cáo T lấy 02 chìa khóa cửa trước và cửa sau của kho đồ cổ, một mình điều khiển xe mô tô biển số kiểm soát xxxx đến kho đồ cổ của ông N, quan sát cửa trước đã khóa ổ khóa vòng, hướng ổ khóa bên ngoài, T biết rõ Nguyễn Thành P, sinh năm 1990 ngụ ấp P, xã T, thành phố S, là người ngủ giữ kho hàng đêm đã về. T dùng xe mô tô bên ngoài, đi bộ theo đường đan bên trái đến cửa sau, dùng chìa khóa đã chuẩn bị sẵn mở ổ khóa đột nhập vào trong, rút chui điện tắt camera và kéo cầu dao điện có CB tổng cúp điện toàn bộ khu vực trong kho để tránh bị ghi hình. Bên ngoài đường N có ánh sáng đèn đường rọi vào mặt trước nhà kho, T quan sát thấy chiếc ghế nghi nhỏ bằng gỗ gỗ đỏ, hoa văn cẩn ốc xà cừ, kích thước ngang 1,00 mét x rộng 0,6 mét x cao 1,00 mét đang để bên trái, cách chiếc xe tải biển số xxxx khoảng 30 mét. Do ghế nghi có chân bàn và mặt bàn rời nhau, T khiêng mặt bàn để lên thùng xe tải, tiếp tục khiêng chân bàn để vào thùng xe, dùng chìa khóa chuẩn bị sẵn mở cửa trước kho. T sử dụng chìa khóa xe tải có sẵn trên tuplo, khởi động lái xe tải chở ghế nghi trộm được đến khu đất trống tại khu dân cư Đ thuộc Phường x, thành phố S, gọi điện thoại thuê Phạm Văn L dùng xe ba gác chở chiếc ghế nghi trộm được đến cửa hàng T bán cho Lê Thị H. T lái xe tải về kho như vị trí ban đầu, khóa cửa lại rồi điều khiển xe mô tô xxxx đi về, điện thoại cho bà H biết có thuê ông L chở ghế nghi nhỏ đến bán. Bà H xem ghế nghi thống nhất mua với giá 6.500.000 đồng, quần băng keo số tiền gửi cho ông L đem về đưa cho bị cáo T, bà H trả tiền thuê xe cho ông L 250.000 đồng. Khoảng 08 giờ cùng ngày, ông L đem tiền về đưa

cho bị cáo T sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Lần 2: Cách lần trộm thứ nhất một ngày, khoảng 04 giờ 30 phút, T tiếp tục lấy 02 chìa khóa cửa kho, một mình điều khiển xe mô tô xxxx đến kho đồ cổ của ông N, thấy cửa trước đã khóa ổ khóa vòng, biết anh P ngủ giữ kho đã về. T đến cửa sau mở ổ khóa vào kho, rút chui điện tắt camera và kéo CB tổng cúp điện toàn bộ khu vực kho để tránh bị ghi hình. T lấy trộm tủ thờ bằng gỗ gỗ đỏ, hoa văn mặt trước cẩn ốc xà cừ, kích thước ngang 1,10 mét x rộng 0,54 mét x cao 1,20 mét, để bên trái trong kho, cách chiếc xe tải xxxx khoảng 31 mét, dùng 02 tay cầm hai chân bên hông tủ đỡ lên, kéo lê đến thùng xe tải, nghiêng cho cạnh tủ chạm vào thùng xe, đẩy tủ thờ vào đóng thùng xe lại. T mở cửa trước, lái xe tải đến khu đất trống tại khu dân cư Đ thuộc Phường x thành phố S, gọi điện thoại thuê ông L chạy xe ba gác đến chở tủ thờ đến cửa hàng T bán cho bà H. T lái xe tải để lại trong kho như vị trí ban đầu, khóa cửa trước và cửa sau lại rồi điều khiển xe mô tô xxxx chạy về nhà trọ, điện thoại cho bà H biết có thuê ông L chở tủ thờ đến bán. Bà H mua với giá 9.500.000 đồng, quán băng keo số tiền gửi tiền cho ông L đem về đưa cho T, bà H trả tiền thuê xe cho ông L 250.000 đồng. T sử dụng số tiền tiêu xài cá nhân hết.

Lần 3: Vào khoảng 04 giờ ngày 19/10/2018, lúc này T đã nghỉ việc tại Công ty Thanh N, một mình điều khiển xe mô tô biển số xxxx đến kho đồ cổ của ông N, quan sát thấy cửa trước đã khóa, biết trong kho không có người trông coi. T lấy 02 chìa khóa cửa kho mang theo sẵn, mở ổ khóa cửa sau vào trong, rút chui điện, kéo CB tổng cúp điện toàn bộ khu vực trong kho. T lấy chiếc ghế nghi lớn bằng gỗ gỗ đỏ, hoa văn cẩn ốc xà cừ, kích thước ngang 1,10 mét x rộng 0,68 mét x cao 1,10 mét đang để ở bên trái trong kho, cách chiếc xe tải biển số xxxx khoảng 34 mét. Do ghế nghi có chân bàn và mặt bàn rời nhau, T khiêng mặt bàn đi cửa sau theo đường đan ra phía trước, giáp đường N, tiếp tục vào kho lấy chân ghế mang ra ngoài và khóa cửa lại. T gọi điện thoại thuê ông L chạy xe ba gác chở ghế nghi lớn đến cửa hàng T bán cho bà H. Còn T điều khiển xe mô tô về nhà trọ, điện thoại cho bà H biết ông L đang chở ghế nghi lớn để bán. Bà H xem ghế xong thống nhất mua với giá 6.500.000 đồng, quán băng keo số gửi cho ông L mang về cho T sử dụng tiêu xài cá nhân hết, tiền thuê xe ba gác bà H trả cho ông L 250.000 đồng.

Quá trình điều tra, Nguyễn Chánh T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và khẳng định không còn lấy trộm lần nào khác. Khi thuê ông L chở đồ cổ, T không nói là tài sản do trộm cắp mà có. Khi liên lạc bán đồ cổ cho bà H, T nói là đồ cổ mua của người khác bán lại.

Cơ quan điều tra đã thu giữ:

- 01 cái ghế nghi nhỏ, 01 cái ghế nghi lớn và 01 tủ thờ do Lê Thị H đã mua của bị cáo T và giao nộp;

- 02 chìa khóa cửa trước và cửa sau kho đồ cổ của ông Cao Thanh N do bị cáo Nguyễn Chánh T giao nộp, bao gồm 01 chìa bằng kim loại có chữ LOHGOAL China, 01 chìa bằng kim loại có chữ LOCK;

- 01 ổ khóa, 01 ổ khóa vòng dùng khóa cửa kho đồ cổ; 01 USB hiệu CRUZER BLADE 8GB ghi hình lúc 04 giờ 01 phút ngày 20/10/2018, dung lượng 09 phút 41 giây, thể hiện hình ảnh bên trong kho có 01 bóng người mờ đi về hướng cầu dao điện do Phan Phi N là người đại diện theo ủy quyền của ông Cao Thanh N giao nộp;

- 01 điện thoại di động Nokia màu đen, số IMEI 1: xxxxxx, số IMEI 2: xxxxxx của Nguyễn Chánh T dùng làm phương tiện liên lạc gọi xe ba gác và bán tài sản trộm, do Huỳnh Thị Bích T giao nộp. Riêng sim số điện thoại xxxxx sau khi T bị bắt có nhiều người điện thoại đòi nợ nên đã bị T ném bỏ, không thu giữ được. Kết quả kiểm tra điện thoại không lưu giữ dữ liệu cuộc gọi đi đến và tin nhắn do chị T đã xóa.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố S trưng cầu giám định số đồ cổ do bị cáo T lấy trộm và trưng cầu định giá tài sản. Căn cứ Kết luận giám định ngày 26/10/2018 của Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Tháp và Kết luận định giá tài sản số x/HĐ.ĐGTS ngày 27/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, kết luận:

- 01 bàn hình lục giác kích thước: Đường kính 0,9 mét, cao 0,77 mét; chất liệu chân gỗ gõ đỏ, mặt đá cẩm thạch màu trắng; hoa văn chân quỳ, song chân hình con tiện, diềm gỗ cẩn ốc xà cừ; niên đại đầu thế kỷ XX; trị giá 65.000.000 đồng.

- 04 ghế ngồi, kích thước: Cao 0,95 mét, mặt 0,45 mét; chất liệu gỗ gõ đỏ; hoa văn tay cuộn, lưng tựa rẽ quạt, chân giò nai; niên đại thế kỷ XX; trị giá 16.000.000 đồng.

- 04 tấm tranh kích thước: Ngang 0,37 mét, cao 1,07 mét, chất liệu gỗ gõ đỏ; hoa văn diềm chạm thủng, cẩn ốc xà cừ đề tài mai, lựu, cúc, trúc (mỗi tấm một đề tài); niên đại thế kỷ XX; trị giá 40.000.000 đồng.

- 01 ghế nghi lớn kích thước: Ngang 1,10 mét, rộng 0,68 mét, cao 1,10 mét, chất liệu gỗ gõ đỏ; hoa văn cẩn ốc xà cừ; niên đại thế kỷ XX; trị giá 140.000.000 đồng.

- 01 ghế nghi nhỏ kích thước: Ngang 1,00 mét, rộng 0,6 mét, cao 1,00 mét, chất liệu gỗ gõ đỏ, hoa văn cẩn ốc xà cừ, niên đại thế kỷ XX; trị giá 115.000.000 đồng.

- 01 tủ thờ kích thước: Ngang 1,10 mét, rộng 0,54 mét, cao 1,20 mét; chất liệu gỗ gõ đỏ, hoa văn mặt trước cẩn ốc xà cừ; niên đại thế kỷ XX; trị giá 200.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là 576.000.000 đồng.

Tiến hành kiểm tra 02 chìa khóa do bị cáo Nguyễn Chánh T giao nộp mở được 02 ổ khóa do anh Phan Phi N là người đại diện theo ủy quyền của ông Cao Thanh N giao nộp. Đồng thời, tổ chức thực nghiệm điều tra cho bị cáo Nguyễn Chánh T đã diễn lại hành vi trộm cắp tài sản 04 lần nêu trên phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo.

Cơ quan điều tra đã trao trả tài sản cho bị hại xong và bị hại không yêu cầu bồi thường thêm. Tuy nhiên anh N cho rằng, ngoài mất trộm 06 món đồ cổ nêu trên bị hại còn bị mất trộm 120 món đồ cổ khác (có danh sách kèm theo) do ông N đã mua từ nhiều người khác nhau không có chứng từ, không nhớ rõ nguồn gốc, đặc điểm tài sản. Cơ quan điều tra căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã thu thập, lời khai của bị can, bị hại và những người liên quan chưa có căn cứ xác định bị cáo Nguyễn Chánh T là người lấy trộm.

Đối với Phạm Văn L khai nhận chỉ chạy xe ba gác thuê, không biết chở tài sản do T trộm cắp mà có. Đối với Lê Thị H là người quản lý cửa hàng T, (cửa hàng kinh doanh có giấy phép, do Lưu Trường T con bà H đứng tên) không biết tài sản bị cáo T bán là do trộm của ông Cao Thanh N. Bà H được bị cáo T cho biết là đồ cổ mua của

người khác bán lại, do trước đây T có làm ăn chung với chồng bà là Lưu Văn T (đã chết vào ngày 10/5/2018) nên không nghi ngờ. Do vậy chưa đủ căn cứ xác định ông Phạm Văn L, bà Lê Thị H đồng phạm với bị cáo T về tội trộm cắp tài sản hoặc tội chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Bà H yêu cầu T trả lại tiền đã mua số đồ cổ và tiền thuê xe ba gác tổng cộng 23.250.000 đồng và bị cáo T đã tác động gia đình trả lại tiền cho bà H xong.

Đối với xe mô tô biển số xxxx do Huỳnh Thị Bích T (vợ của bị cáo T) đứng tên sở hữu, xe mua trả góp. Sau khi T bị bắt giữ, T đã bán cho người không rõ họ tên địa chỉ tại tỉnh Vĩnh Long vào ngày 08/11/2018 với giá 25.000.000 đồng, không làm giấy tờ mua bán và thủ tục sang tên nên không thu giữ được.

Tại Cáo trạng số x/CT-VKS-P3 ngày 08/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã truy tố bị cáo Nguyễn Chánh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát trình bày luận tội: Tại phiên tòa bị cáo T, người đại diện hợp pháp của bị hại thống nhất với kết luận giám định và kết luận định giá tài sản. Bị cáo T thừa nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo T biết hành vi xâm phạm sở hữu tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, nên đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố và khẳng định việc truy tố trên là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật. Trên cơ sở phân tích tính chất nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nguyên nhân, điều kiện dẫn đến phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 4 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 tuyên bố bị cáo Nguyễn Chánh T phạm tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Chánh T từ 09 đến 11 năm tù. Do gia đình bị cáo hiện đang gặp khó khăn về kinh tế, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Đối với ông Phạm Văn L không biết chở tài sản do T trộm cắp mà có và bà Lê Thị H khi mua tài sản không biết tài sản trên do bị cáo T trộm mà có, nên không đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản, tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Về trách nhiệm dân sự không đặt ra giải quyết. Về xử lý vật chứng: Tịch thu ổ khóa, chìa khóa tiêu hủy; USB lưu hồ sơ vụ án.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Chánh T phát biểu quan điểm: Thống nhất với Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp truy tố bị cáo Nguyễn Chánh T tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa bị cáo T thống nhất với kết luận giám định và kết luận định giá tài sản, nhưng do có sự chênh lệch giá trị tài sản mà bị hại đã mua số tiền là 420.000.000 đồng với giá trị tài sản mà Hội đồng định giá tài sản đã kết luận 576.000.000 đồng và giá trị tài sản ảnh hưởng đến hình phạt nên đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc khi lượng hình phạt đối với bị cáo T. Người bào chữa cho bị cáo T cũng trình bày về nhân thân, hoàn cảnh gia đình, động cơ, ý thức phạm tội của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình khắc phục hậu quả; cha bị cáo tham gia chính quyền địa phương và giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã, nhưng đã nghỉ việc; bị cáo có hai con nhỏ. Nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo T mức án từ 07 đến 08

năm tù để bị cáo sớm về với gia đình cùng vợ lo cho hai con.

Bị cáo Nguyễn Chánh T thống nhất với kết luận giám định, kết luận định giá tài sản, không ý kiến tranh luận hay bào chữa bổ sung, bị cáo T thừa nhận hành vi của bị cáo là sai, bị cáo ăn năn về hành vi đã thực hiện và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo.

Người đại diện hợp pháp của bị hại ý kiến: Bị hại thống nhất với kết luận giám định, kết luận định giá tài sản, thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo T theo quy định của pháp luật.

Ông Phạm Văn L ý kiến: Ông L không biết tang vật của vụ án trên là do bị cáo T trộm cắp của bị hại, nếu biết thì không nhận chở thuê.

Người giám định Trần Văn N ý kiến: Kết luận giám định đối với các tang vật của vụ án trên đảm bảo đúng quy định.

Người định giá tài sản Lê Văn H ý kiến: Kết luận định giá tài sản thực hiện đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Giai đoạn điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Chánh T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Bị cáo T khẳng định hành vi phạm tội được ghi nhận trong Cáo trạng số x/CT-VKS-P3 ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đúng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

Bị cáo Nguyễn Chánh T là người làm thuê lái xe cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thanh N do ông Cao Thanh N là chủ sở hữu công ty. Chỉ vì động cơ tư lợi, muốn có tiền tiêu xài, do đó trong khoảng thời gian từ tháng 7/2018 đến ngày 20/10/2018 lợi dụng việc thông thạo địa hình, quy luật sinh hoạt tại kho đồ cở của ông N tại số x, đường N, Khóm x, Phường x, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp, bị cáo được giữ chìa khóa cửa, lợi dụng đêm khuya lén lút chiếm đoạt tài sản của ông N 04 lần, tài sản chiếm đoạt gồm 01 cái ghế nghi nhỏ, niên đại thế kỷ XX, trị giá 115.000.000 đồng; 01 tủ thờ, niên đại thế kỷ XX, trị giá 200.000.000 đồng; 01 ghế nghi lớn, niên đại thế kỷ XX, trị giá 140.000.000 đồng; 01 bàn hình lục giác, niên đại đầu thế kỷ XX, trị giá 65.000.000 đồng cùng 04 ghế ngồi, niên đại thế kỷ XX, trị giá 16.000.000 đồng và 04 tấm tranh, niên đại thế kỷ XX, trị giá 40.000.000 đồng; tổng giá trị tài sản trộm 04 lần là 576.000.000 đồng. Bị cáo T bán tài sản trộm 03 lần thu lợi 22.500.000 đồng tiêu xài cá nhân, ngày 20/10/2018 trên đường tiêu thụ tài sản thì bị phát hiện bắt giữ, thu hồi tài sản trả chủ sở hữu.

Lời khai nhận tội của bị cáo T phù hợp với lời khai của bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Chánh T là có tội và do bị cáo chiếm đoạt tài sản trị giá 576.000.000 đồng, nên hành vi của bị cáo T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;

.....”

[3] Bị cáo T là người trưởng thành, có đầy đủ sức khỏe, nhận thức rõ pháp luật và đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định chung của pháp luật. Lẽ ra bị cáo phải sống lành mạnh, tích cực lao động để có thu nhập nuôi sống bản thân, có điều kiện phát triển kinh tế trong gia đình, nhưng bị cáo đã không thực hiện. Chỉ vì lười lao động, lại muốn có nhiều tiền tiêu xài mà không phải lao động vất vả, bị cáo T đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại 04 lần với 06 loại tài sản như trên bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm sở hữu tài sản của người khác, gây ra dư luận không tốt trong quần chúng nhân dân, bị cáo biết hành vi lén lút trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, thể hiện việc bị cáo xem thường pháp luật. Vì vậy việc đưa bị cáo ra xét xử công khai là cần Tắt, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật và phải có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và có tác dụng phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tình tiết phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, vì bị cáo 04 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại, mỗi lần trộm cắp tài sản của bị hại đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Tuy nhiên Hội đồng xét xử nhận thấy rằng trong quá trình điều tra bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả cho bà H xong; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là lao động chính và đang nuôi con nhỏ và cũng chưa có tiền án, tiền sự. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tình tiết bị cáo có cha làm chủ tịch xã nhưng đã nghỉ việc, do không có tài liệu, chứng cứ chứng minh và đây không là tình tiết giảm nhẹ nên không xem xét. Do bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, Tòa án quyết

định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng khi lượng hình phạt cho bị cáo là phù hợp khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xét thấy bị cáo T có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, sinh sống với nghề làm thuê nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ông Cao Thanh N đã nhận lại các tài sản mà bị cáo T đã chiếm đoạt, bà Lê Thị H nhận lại đủ tiền mua tài sản do bị cáo T bán, không yêu cầu bồi thường thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động Nokia màu đen, số IMEI 1: xxxxxx, số IMEI 2: xxxxxx của Nguyễn Chánh T là công cụ dùng vào việc phạm tội, nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với 01 chìa bằng kim loại có chữ LOHGOAL China, 01 chìa bằng kim loại có chữ LOCK, 01 ổ khóa, 01 ổ khóa vòng. Đây là vật chứng không có giá trị, cần tịch thu và tiêu hủy.

Riêng 01 USB hiệu CRUZER BLADE 8GB ghi hình lúc 04 giờ 01 phút ngày 20/10/2018, dung lượng 09 phút 41 giây, do Phan Phi N là người đại diện theo ủy quyền của ông Cao Thanh N giao nộp, cần tịch thu và lưu hồ sơ vụ án.

[8] Đối với ông Phạm Văn L là người chở thuê tài sản cho bị cáo T không biết tài sản trên do bị cáo T trộm cắp và bà Lê Thị H khi mua tài sản của bị cáo T cũng không biết tài sản trên do bị cáo T trộm cắp mà có, nên không có căn cứ để xem xét xử lý.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo T là có căn cứ, phù hợp một phần, nên chấp nhận một phần đề nghị của người bào chữa cho bị cáo T.

[10] Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Chánh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Chánh T 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/10/2018.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Chánh T.

Về trách nhiệm dân sự: Không có xem xét.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Nokia màu đen, số

IMEI 1: xxxxxx, số IMEI 2: xxxxxx của Nguyễn Chánh T.

Tịch thu và tiêu hủy 01 chìa bằng kim loại có chữ LOHGOAL China, 01 chìa bằng kim loại có chữ LOCK, 01 ổ khóa, 01 ổ khóa vòng.

(Các vật chứng nêu trên hiện Cục T hành án tỉnh Đồng Tháp đang quản lý).

Tịch thu và lưu hồ sơ vụ án 01 USB hiệu CRUZER BLADE 8GB ghi hình lúc 04 giờ 01 phút ngày 20/10/2018, dung lượng 09 phút 41 giây (hiện USB đang lưu hồ sơ vụ án).

Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Chánh T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- Cơ quan điều tra Công an Tỉnh;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- Trại tạm giam Công an Tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- Cục THADS Tỉnh;
- Bị cáo; đương sự;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA. TAT;
- Lưu HSVA (Linh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Thúy Hằng